TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỘC HÓA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:05/2017/DS-ST
Ngày:09/5/2017
"V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán lúa giống"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA, TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Minh Châu.

2. Bà Nguyễn Thị Phước Dư.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2016/TLST-DS ngày 10/11/2016, về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán lúa giống" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2017/QĐXXST-DS ngày 17/4/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Võ Thị L**, sinh năm 1969
Địa chỉ: ấp N, xã T huyện T,tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông **Trần Văn C**, sinh năm 1967.
Địa chỉ: Ấp 2, xã B, huyện M, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Bà **Trần Thị K**, sinh năm: 1972; (Vợ ông Trần Văn C).
Địa chỉ: Ấp 2, xã B, huyện M, tỉnh Long An.

*4. Người làm chứng:*Ông **Chu Mạnh Q**, sinh năm: 1954.
Địa chỉ: Ấp 3, xã B, huyện M, tỉnh Long An.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn-Bà Võ Thị L trình bày: Vào ngày 18/10/2015 qua giới thiệu của

ông Võ Thành T, bà L có ký hợp đồng mua bán lúa giống với ông Trần Văn C. Đã giao 315 kg lúa giống với giá cả và phương thức, cam kết theo nội dung của hợp đồng. Đến ngày thu hoạch lúa thì bà L có xuống ruộng của ông C để xem (khoảng 02 mẫu) thì thấy lúa chín chưa đều nên bà có đề nghị 02 mẫu lúa phải thu hoạch trong 01 ngày để tiện việc chuyên chở bằng ghe, bà L thu mua lúa với giá 6.050 đ/1kg theo giá thị trường nhưng ông C không đồng ý vì ông nói giá lúa phải từ 6.500đ đến 7.000đ/01 kg như thương lái đang mua ở các ruộng lân cận. Bà L có nói theo hợp đồng thì ai mua lúa giá cao hơn thì ông Cả bán nhưng phải trả lại cho bà tiền lúa giống và tiền hoa hồng như quy định trong hợp đồng. Ông C đồng ý trả lại tiền lúa giống nhưng tiền hoa hồng thì ông không đồng ý. Sau đó ông C đã bán lúa cho người khác mà không trả tiền mua lúa giống cho bà nên bà L khởi kiện ông C ra Tòa án yêu cầu ông C phải trả lại cho bà tiền lúa giống là 3.937.500 đồng và tiền hoa hồng là 700.000 đồng. Tổng cộng là 4.637.500 đồng.

Tại phiên hòa giải ngày 17/4/2017 bà L thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông C phải trả lại cho bà tiền lúa giống là 3.937.500 đồng, không yêu cầu đối với số tiền hoa hồng là 700.000 đồng vì ông Võ Thành T không yêu cầu bà phải trả tiền hoa hồng. Bà L xác định không yêu cầu vợ ông C liên đới trả nợ vì bà chỉ ký hợp đồng mua bán lúa giống với ông C.

Bị đơn - Ông Trần Văn C trình bày: Vào ngày 18/10/2015 qua giới thiệu của ông Võ Thành T, ông có ký hợp đồng mua bán lúa giống với bà Võ Thị L. Ông đã nhận 315 kg lúa giống với giá 12.500 đ/01 kg và các bên có cam kết theo nội dung của hợp đồng. Đến ngày thu hoạch lúa thì bà L có xuống ruộng xem lúa, lúa có một vài chổ chín chưa đều (do dặm). Bà L không chịu mua lúa của ông vì nói không đủ số lượng để chở bằng ghe vì ghe của bà chở 40-50 tấn nên nếu mua lúa của ông thì bà sẽ bị lỗ chi phí vận chuyển. Khi bà L nói với ông có ông Chu Mạnh Q chứng kiến. Khoảng 07-08 ngày sau đó do không thấy bà L mua lúa thì ông mới bán lúa cho người khác vì các ruộng xung quanh đã thu hoạch xong, ông là người thu hoạch cuối cùng. Ông đã bán lúa được với giá 6.500 đ/01 kg. Ông C cho rằng bà L đã vi phạm nội dung hợp đồng đã ký ngày 18/10/2015 vì nếu bà L nói sớm với ông việc bà không mua lúa thì ông đã bán lúa với giá cao hơn.

Do đó ông C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L. Ông không đồng ý trả tiền mua lúa giống là 3.937.500 đồng cho bà L. Việc mua lúa giống của bà L là để sản xuất nông nghiệp lo cho gia đình, vợ ông là bà Trần Thị K có biết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Bà Trần Thị K trình bày: Bà đồng ý với ý kiến nêu trên của chồng bà là ông Trần Văn C. Việc ông C mua lúa giống của bà L là để sản xuất nông nghiệp lo cho gia đình, bà có biết.

Người làm chứng - Ông Chu Mạnh Q trình bày: Hôm ông C dự tính ngày cắt lúa thì ông cũng đang thu hoạch lúa. Ông có thấy bà L lên coi lúa, bà L nói không mua lúa của ông C vì sản lượng ít, không đủ ghe lúa của bà và bà sẽ bị lỗ chi phí, ông C muốn bán cho ai thì bán. Ông Q có nói nếu bà L không mua lúa thì bà L vi phạm hợp đồng và sẽ bị mất tiền cọc theo thông lệ. Còn việc bà L khai do không

thống nhất về giá thu mua lúa là 6.050 đ/1kg hay 7.000 đồng thì ông không chứng kiến.

Tòa án đã tiến hành đối chất, hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau nhưng hòa giải không thành nên đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa:

Bà Võ Thị L giữ nguyên ý kiến đã trình bày. Bà yêu cầu ông Trần Văn C phải trả cho bà tiền mua lúa giống là 3.937.500 đồng. Bà không yêu cầu tính lãi. Không yêu cầu bà Trần Thị K phải liên đới trả nợ.

Ông Trần Văn C giữ nguyên ý kiến đã trình bày. Ông không đồng ý trả cho bà L tiền mua lúa giống là 3.937.500 đồng vì bà L đã không thu mua lúa của ông, bà L vi phạm hợp đồng nên phải mất tiền lúa giống.

Bà Trần Thị K giữ nguyên ý kiến đã trình bày. Bà K đồng ý với ý kiến của ông Trần Văn C.

Người làm chứng là ông Chu Mạnh Q khai: Ông có chứng kiến bà L lên coi lúa, bà L có nói không mua lúa của ông C vì sản lượng ít, không đủ ghe lúa của bà nên nếu thu mua lúa của ông C thì bà sẽ bị lỗ chi phí, ông C muốn bán lúa cho ai thì bán. Ông có nói với bà L nếu bà L không mua lúa của ông C thì bà L đã vi phạm hợp đồng và sẽ bị mất tiền cọc theo thông lệ. Các vấn đề khác thì ông không chứng kiến.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ thụ lý đến trước khi xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền thụ lý vụ án: Quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp hợp đồng mua bán lúa giống các bên đã ký kết ngày 18/10/2015 theo quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Về thời hiệu khởi kiện: Hợp đồng mua bán lúa giống được bà L và ông C ký ngày 18/10/2015, đến ngày 02/11/2016 bà L khởi kiện là còn thời hiệu theo quy định tại các Điều 184, 185 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 429 Bộ luật dân sự.

Việc xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự, thu thập chứng cứ, phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải là đúng với quy định tại các Điều 68, 77, 85, 93, 94, 205, 208, 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử 05 tháng là có vi phạm quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tống đạt văn bản tố tụng, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Hóa đúng quy định tại Điều 170 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định tại các Điều 63, 222, 223, 225, 234, 237, 239, 243 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án

trước khi mở phiên tòa các đương sự đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của mình tại các Điều 70, 71, 72, 73, 78, 86 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Việc mua bán lúa giống giữa bà L với ông C theo hợp đồng ngày 18/10/2015 là có thật. Ông C thừa nhận có ký hợp đồng mua lúa giống RVT, số lượng 315kg với giá 12.500 đồng/1kg và bà L đã cho người giao lúa giống cho gia đình ông.

Xét thấy, hợp đồng mua bán lúa giống ngày 18/10/2015 thể hiện rõ ràng và đầy đủ việc mua bán lúa giống giữa bên bán và bên mua. Hợp đồng có thỏa thuận thêm việc mua lại lúa khi thu hoạch và quy định nếu ông C không bán lúa cho bà L thì phải trả tiền mua lúa giống và tiền hoa hồng 50.000 đồng/1 tấn lúa thu hoạch được mà không quy định ngược lại nếu bà L không mua lúa của ông Cả thì như thế nào. Do đó, lý do ông C đưa ra để không trả tiền mua lúa giống cho bà L là không có cơ sở để chấp nhận. Yêu cầu khởi kiện của bà L là có cơ sở.

Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 440 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc ông C phải thanh toán tiền mua lúa giống là 3.937.500 đồng cho bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do tranh chấp giữa cá nhân và cá nhân với nhau, bị đơn là ông Trần Văn C hiện cư trú tại ấp 2, xã B, huyện M, tỉnh Long An, nguyên đơn khởi kiện bị đơn tại Tòa án nơi bị đơn cư trú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13.

[2] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào hợp đồng mua bán lúa giống ngày 18/10/2015 và sự thừa nhận của các đương sự thì giữa các đương sự đã phát sinh giao dịch dân sự là hợp đồng mua bán tài sản là lúa giống. Do phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị xâm phạm, vì vậy nguyên đơn khởi kiện. Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 và Điều 430 của Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13.

[3] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 18/10/2015 bà L và ông C ký kết hợp đồng mua bán lúa giống. Ông C đã thu hoạch lúa. Đến ngày 02/11/2016 bà L khởi kiện là còn thời hiệu theo quy định tại các Điều 184, 185 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 429 Bộ luật dân sự.

[4] Về nội dung vụ án:

Căn cứ hợp đồng mua bán lúa giống lập ngày 18/10/2015 được xác lập giữa bà Võ Thị L và ông Trần Văn C và sự thừa nhận của các đương sự thì bà L (bên A) đã giao 315kg lúa giống RTV với giá 12.500 đồng/1kg cho ông C (bên B), tính thành tiền là 3.937.500 đồng. Tại Điều 1 của hợp đồng quy định "sau khi thu hoạch bên B phải trả lại tiền lúa giống cho bên A". Điều 2 của hợp đồng này cũng có quy định "...Hai bên thỏa thuận nếu bên B không đồng ý bán cho bên A thì được bán ra ngoài với điều kiện là phải trả tiền lúa giống cho bên A như điều 1, đồng thời bên B phải trả thêm tiền huê hồng cho bên A là 50.000đ/1 tấn lúa tươi mà bên B sản xuất được". Trong nội dung của hợp đồng trên không có điều khoản nào quy định bên A nếu không mua lúa của bên B sản xuất thì phải mất tiền bán lúa giống. Do đó ông C đã thu hoạch lúa xong và đã bán lúa cho người khác nên phải có nghĩa vụ trả tiền lúa giống. Bà L xác định không yêu cầu bà Trần Thị K là vợ của ông C liên đới trả nợ nên không buộc bà K phải liên đới.

Ông C cho rằng bà L không chịu mua lúa vì không đủ số lượng để chở bằng ghe và mua lúa của ông với giá thấp hơn thị trường. Sau đó khoảng 07-08 ngày sau không thấy bà L mua lúa thì ông C mới bán lúa cho người khác vì các ruộng xung quanh đã thu hoạch xong. Do vậy bà L đã vi phạm nội dung hợp đồng đã ký ngày 18/10/2015 nên ông không đồng ý trả tiền lúa giống như bà L yêu cầu. Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào nội dung của hợp đồng như đã nêu trên thì ông C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền lúa giống cho bà L nên ý kiến của ông C là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Từ những lập luận trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị L. Buộc ông Trần Văn C phải cho bà L tiền lúa giống là 3.937.500 đồng

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên bà L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc ông Trần Văn C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% x 3.937.500 đồng = 200.000 đồng nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Căn cứ vào khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng Hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39,; khoản 1 Điều 147, các Điều 184, 185, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13;

Căn cứ vào các Điều 351, 357, 401, 429, 433, 434, 440, 453 của Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng Hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Trần Văn C phải trả cho bà Võ Thị L số tiền mua lúa giống là 3.937.500 (Ba triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự số 92/2015/QH13.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Trần Văn C phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Bà Võ Thị L không phải chịu phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Võ Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009976 ngày 10/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Án xử sơ thẩm công khai; nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày) kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Thái